

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Mẫu số S2a-HKD

(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

SỔ DOANH THU BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Địa điểm kinh doanh:.....

Kỳ kê khai:.....

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	1
		1. Ngành nghề	
		
		Tổng cộng (1)	
		Thuế GTGT	
		Thuế TNCN	
		2. Ngành nghề	
		
		Tổng cộng (2)	
		Thuế GTGT	
		Thuế TNCN	
		3. Ngành nghề	
		
		Tổng cộng (3)	
		Thuế GTGT	
		Thuế TNCN	
		Tổng số thuế GTGT phải nộp	
		Tổng số thuế TNCN phải nộp	

Ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phương pháp ghi sổ

a) Sổ này được mở để ghi doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng nhóm danh mục ngành nghề kinh doanh có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT hoặc cùng mức thuế suất để tính thuế TNCN. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhiều nhóm ngành nghề khác nhau thì sổ này có thể mở cho từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT hoặc cùng mức thuế suất để tính thuế TNCN. Trường hợp cơ quan thuế cung cấp dữ liệu nộp thuế GTGT, thuế TNCN thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng sổ này để theo dõi, đối chiếu số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp với cơ quan thuế.

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày, tháng của chứng từ.
- Cột C: Ghi diễn giải nội dung doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT hoặc cùng mức thuế suất để tính thuế TNCN.
- Cột 1: Ghi số tiền bán hàng hóa, dịch vụ có thể theo từng ngành nghề để làm căn cứ xác định doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT hoặc cùng mức thuế suất để tính thuế TNCN. Trên cơ sở doanh thu được xác định, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tính ra số tiền thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp theo từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % hoặc cùng mức thuế suất. Dòng cuối cùng ghi tổng số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp.

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Mẫu số S2b-HKD

(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

SỔ DOANH THU BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Địa điểm kinh doanh:.....

Kỳ kê khai:.....

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	1
		1. Ngành nghề	
		
		Tổng cộng (1)	
		Thuế GTGT	
		2. Ngành nghề....	
		
		Tổng cộng (2)	
		Thuế GTGT	
		3. Ngành nghề	
		
		Tổng cộng (3)	
		Thuế GTGT	
		4. Ngành nghề....	
		
		Tổng cộng (4)	
		Thuế GTGT	
		5. Ngành nghề....	
		
		Tổng cộng (5)	
		Thuế GTGT	
		Tổng số thuế GTGT phải nộp	

Ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phương pháp ghi sổ:

a) Sổ này được mở để ghi doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng nhóm danh mục ngành nghề kinh doanh có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhiều nhóm ngành nghề khác nhau thì sổ này có thể mở cho từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT. Trường hợp cơ quan thuế cung cấp dữ liệu nộp thuế GTGT thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng sổ này để theo dõi, đối chiếu số thuế GTGT phải nộp với cơ quan thuế.

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày, tháng của chứng từ.

- Cột C: Ghi diễn giải nội dung doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT.

- Cột 1: Ghi số tiền bán hàng hóa, dịch vụ có thể theo từng ngành nghề để làm căn cứ xác định doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT. Trên cơ sở doanh thu được xác định, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tính ra số tiền thuế GTGT phải nộp theo từng ngành nghề có cùng tỷ lệ % để tính thuế GTGT. Dòng cuối cùng ghi tổng số thuế GTGT phải nộp.

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Mẫu số S2c-HKD

(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU, CHI PHÍ

Tên địa điểm kinh doanh:.....

Kỳ kê khai:.....

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	1
		1. Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	
		2. Chi phí hợp lý	
		a) Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh.	
		b) Chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, bảo hiểm bắt buộc và các khoản chi trả cho người lao động có đóng bảo hiểm bắt buộc theo quy định; chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và các khoản chi trả cho người lao động dưới 01 tháng.	
		c) Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (nếu có).	
		d) Chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước, điện thoại, internet, vận chuyển, thuê tài sản, sửa chữa, bảo dưỡng.	
		đ) Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của tổ chức tín dụng theo lãi suất thực tế. Chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng không vượt quá mức quy định tại Bộ luật Dân sự.	
		e) Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh...	
		3. Chênh lệch $\{(3) = (1) - (2)\}$	
		4. Tổng số thuế TNCN phải nộp $\{(4) = (3) \times \text{thuế suất}\}$	

Ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phương pháp ghi sổ:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mở sổ này để xác định nghĩa vụ thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp cơ quan thuế cung cấp dữ liệu nộp thuế TNCN thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng sổ này để đối chiếu số thuế TNCN phải nộp với cơ quan thuế.

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày, tháng của chứng từ.

- Cột C: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ phát sinh.

- Cột 1: Ghi số tiền phù hợp với từng nội dung nêu tại cột C.

- Dòng 1: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ vào chứng từ kế toán để ghi tổng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ hoặc có thể ghi theo từng nghiệp vụ phát sinh tùy theo nhu cầu của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Dòng 2: Ghi tổng chi phí hợp lý trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh tại hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc có thể ghi theo từng nghiệp vụ phát sinh tùy theo nhu cầu của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tính chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí hợp lý để làm căn cứ tính thuế TNCN phải nộp.

Việc xác định doanh thu, chi phí hợp lý để xác định nghĩa vụ thuế TNCN được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Mẫu số S2d-HKD

(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.....

Kỳ kê khai.....

Chứng từ		Diễn giải	Đơn vị tính	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8
		Số dư đầu kỳ									
		Cộng phát sinh trong kỳ	X	X							
		Số dư cuối kỳ			X	X	X	X			

Ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phương pháp ghi sổ:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mở sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa để theo dõi, quản lý về tình hình nhập, xuất, tồn cho từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A, B: Ghi số hiệu, ngày tháng của chứng từ.

- Cột C: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ phát sinh.

- Cột D: Đơn vị tính của vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

- Cột 1: Ghi đơn giá nhập, xuất, tồn của từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

Trong đó, đơn giá nhập kho của từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa căn cứ vào chứng từ mua vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

Đơn giá xuất kho được tính riêng cho từng loại vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{(\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ})}{(\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{số lượng hàng nhập trong kỳ})}$$

- Cột 2: Ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa nhập kho.

- Cột 3: Ghi giá trị (thành tiền) vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa nhập kho (Cột 3 = Cột 1 x Cột 2).

- Cột 4: Ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho.

- Cột 5: Ghi giá trị (thành tiền) vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa xuất kho (Cột 5 = Cột 1 x Cột 4).

- Cột 6: Ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa tồn kho.

- Cột 7: Ghi giá trị (thành tiền) vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa tồn kho (Cột 7 = Cột 1 x Cột 6).

HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH:.....

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Mẫu số S2e-HKD

(Kèm theo Thông tư số 152/2025/TT-BTC
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TIỀN

Kỳ kê khai:

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng		Thu/Gửi vào	Chi/Rút ra
A	B	C	1	2
		Tiền mặt		
		Tiền mặt đầu kỳ		
			
			
		Tổng tiền thu vào trong kỳ		
		Tổng tiền chi ra trong kỳ		
		Tiền mặt tồn cuối kỳ		
		Tiền gửi không kỳ hạn		
		Ngân hàng....		
		Tiền gửi đầu kỳ		
			
			
		Tổng gửi vào trong kỳ		
		Tổng tiền rút ra trong kỳ		
		Tiền gửi cuối kỳ		
		Ngân hàng...		
			

Ngày ... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH/
CÁ NHÂN KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phương pháp ghi sổ:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải mở sổ chi tiết tiền để theo dõi tình hình thu, chi bằng tiền mặt hoặc tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi để thanh toán) trong tài khoản của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại các ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể mở sổ này chi tiết theo từng loại tiền (tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn). Đối với tiền gửi không kỳ hạn, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể theo dõi riêng số tiền gửi tại từng ngân hàng hoặc từng tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

b) Phương pháp ghi sổ

- Cột A, B: Ghi số hiệu và ngày, tháng của chứng từ.

- Cột C: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ phát sinh.

- Cột 1, 2: Ghi số tiền thu, chi tiền mặt hoặc số tiền gửi không kỳ hạn gửi vào, rút ra.

Cuối kỳ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tính ra số tiền mặt thu, chi, tồn quỹ và số tiền gửi không kỳ hạn gửi vào, rút ra, dư cuối kỳ.

Phương pháp ghi sổ:

- Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ.
- Cột B: Ghi diễn giải nội dung nghiệp vụ phát sinh.
- Cột 1: Ghi lượng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế.
- Cột 2: Ghi mức thuế tuyệt đối theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường.
- Cột 3: Giá tính thuế/01 đơn vị hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.
- Cột 4: Ghi mức thuế suất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất.
- Cột 5: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ % (Cột 5 = Cột 1 x Cột 3 x Cột 4).
- Cột 6: Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối (Cột 6 = Cột 1 x Cột 2).
- Cột 7: Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp (Cột 7 = Cột 5 + Cột 6).
- Cột 8: Tính thuế bảo vệ môi trường phải nộp (Cột 8 = Cột 1 x Cột 2).
- Cột 9: Tính thuế tài nguyên phải nộp (Cột 9 = Cột 1 x Cột 3 x Cột 4).
- Cột 10: Tính thuế sử dụng đất phải nộp (Cột 10 = Cột 1 x Cột 3 x Cột 4).